

Bản án số: 07/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 09/5/2022

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀM TÂN, TỈNH BÌNH THUẬN**

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Phương;

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Ngọc và bà Nguyễn Thị Tơ;

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Tuấn - Thư ký Tòa án;

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Tân tham gia phiên tòa:
Bà Hoàng Thị Kim Trâm - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh B xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 221/2021/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 11 năm 2021 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 06/2022/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2022/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 4 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện H, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Dương Thị H, sinh năm: 1995 (*Có mặt*)

Địa chỉ: Khu phố 8, thị trấn T, huyện H, tỉnh B.

- *Bị đơn:* Ông Trần Nhật T, sinh năm: 1988 (*Vắng mặt*)

Địa chỉ: Khu phố 8, thị trấn T, huyện H, tỉnh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Nguyên đơn bà Dương Thị H trình bày:* Bà và ông Trần Nhật T tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn vào ngày 08/10/2014 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện H, tỉnh B. Cuộc sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, không thể tiếp tục cuộc sống vợ chồng nữa. Nguyên nhân mâu thuẫn xuất phát từ ông T ngoại tình và còn con riêng với người phụ nữ khác. Bà với ông T đã sống ly thân từ giữa năm 2021 cho đến nay. Hiện nay, tình cảm không còn, nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Trần Nhật T.

Về con chung: Có 02 con chung là Trần Dương Duy K, sinh ngày: 01/01/2015 và Trần Dương Minh K, sinh ngày: 08/12/2020. Bà yêu cầu được nuôi dưỡng các con chung, không yêu cầu ông T cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Tại biên bản lấy lời khai ngày 16/12/2021, bị đơn ông Trần Nhật T trình bày:* Vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn nên ông không mong muốn ly hôn, nếu bà Dương Thị H nhất quyết ly hôn thì ông đồng ý. Về con chung: Có 02 con

chung là Trần Dương Duy K, sinh ngày: 01/01/2015 và Trần Dương Minh K, sinh ngày: 08/12/2020. Ông yêu cầu được trực tiếp nuôi 02 con. Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông yêu cầu Tòa án giải quyết và sẽ nộp đơn yêu cầu và các chứng cứ kèm theo trong thời hạn 01 tuần. Tuy nhiên, ông vẫn không nộp đơn khởi kiện.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H cho rằng: - Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử sơ thẩm: Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định tại Điều 41 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Thẩm quyền thụ lý vụ án, quan hệ pháp luật tranh chấp, xác định tư cách pháp lý và mối quan hệ giữa những người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, cấp tổng đạt văn bản tố tụng cho người tham gia tố tụng là có căn cứ, phù hợp quy định pháp luật. Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật, bị đơn chưa thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, bà Dương Thị H được ly hôn với ông Trần Nhật T; Giao 02 con chung Trần Dương Duy K, sinh ngày: 01/01/2015 và Trần Dương Minh K, sinh ngày: 08/12/2020 cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con: Không xem xét; Tài sản chung, nợ chung: Không xem xét. Bà H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; Sau khi nghe quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Thủ tục tố tụng:

- Bà Dương Thị H khởi kiện yêu cầu được ly hôn và tranh chấp nuôi con với ông Trần Nhật T. Ông T đang cư trú tại khu phố 8, thị trấn T, huyện H, tỉnh B. Quan hệ tranh chấp trong vụ án là ly hôn và tranh chấp về nuôi con thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện H theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Ông Trần Nhật T chỉ đến Tòa án 01 lần để tiến hành lấy lời khai, ngoài ra, ông T không đến Tòa án tham gia tố tụng lần nào khác dù đã được tổng đạt hợp lệ rất nhiều lần, xem như từ bỏ quyền lợi của mình.

- Ông Trần Nhật T đã được triệu tập xét xử hợp lệ lần thứ hai, nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng vẫn tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

[2] Hôn nhân:

Bà Dương Thị H và ông Trần Nhật T tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện H, tỉnh B vào ngày 08/10/2014 nên hôn

nhân giữa bà H và ông T là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Tại phiên tòa, bà H khẳng định bà không còn tình cảm và kiên quyết ly hôn với ông T. Tại biên bản lấy lời khai ngày 16/12/2021, ông T cũng đồng ý ly hôn nếu bà H nhất quyết ly hôn, điều đó chứng minh ông T cũng không còn tình cảm với bà H. Ông T cũng không đưa ra được phương pháp nào để hàn gắn quan hệ vợ chồng. Tòa án đã tiến hành xác minh tại địa phương về tình trạng hôn nhân giữa bà H và ông T, thể hiện bà H và ông T đã không còn chung sống với nhau từ giữa năm 2021. Năm 2019, bà H đã nộp hồ sơ ly hôn nhiều lần tại Tòa án nhân dân huyện H. Chứng tỏ mâu thuẫn giữa bà H và ông T đã thật sự trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà Dương Thị H được ly hôn với ông Trần Nhật T.

[3] Con chung:

Bà Dương Thị H và ông Trần Nhật T có 02 con chung là cháu Trần Dương Duy K, sinh ngày: 01/01/2015 và Trần Dương Minh K, sinh ngày: 08/12/2020.

Cả bà H và ông T đều có nguyện vọng được nuôi dưỡng các con chung. Tuy nhiên, cháu Trần Dương Minh K chưa đủ 36 tháng tuổi, cháu Trần Dương Duy K có lời khai thể hiện nguyện vọng cháu muốn sống cùng với mẹ. Vì vậy, Hội đồng xét xử nhận thấy cần giao cả hai cháu Trần Dương Duy K và cháu Trần Dương Minh K cho bà Dương Thị H trực tiếp nuôi dưỡng là phù với nguyện vọng của con chung và quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Bà Dương Thị H không yêu cầu nên không giải quyết.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 16/12/2021, ông T yêu cầu Tòa án giải quyết và sẽ nộp đơn yêu cầu trong thời hạn 01 tuần. Tuy nhiên, ông T vẫn không có đơn khởi kiện nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu ông T có yêu cầu thì có thể khởi kiện bằng một vụ án khác.

[5] Án phí: Bà Dương Thị H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: - Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Dương Thị H về việc: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” với ông Trần Nhật T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Dương Thị H được ly hôn với ông Trần Nhật T.

2. Về con chung: Bà Dương Thị H trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trần Dương Duy K, sinh ngày: 01/01/2015 và Trần Dương Minh K, sinh ngày: 08/12/2020.

Ông Trần Nhật T được quyền, nghĩa vụ đi lại, thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung, không ai được cản trở.

Vì quyền lợi của con chung, các đương sự có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn.

Về cấp dưỡng: Không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Bà Dương Thị H phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0006982 ngày 23/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H. Bà H đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hạn thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh B;
- VKSND huyện H;
- Chi cục THADS huyện H;
- Các đương sự;
- UBND xã T;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thanh Phương